TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM THÀNH PHỐ HÀ NỘI ---------- Số:23/2018/QĐST-V.HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TL-V.HNGĐ ngày 10/01/2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" của người yêu cầu:

1. **Anh Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1957

Hộ khẩu thường trú: Số 38 phố P, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

2. **Chị Trần Thị S**, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Toà án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326;

Căn cứ Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 12 tháng 01 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh T, chị S trình bày anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xét.

- Về việc giải quyết tài sản chung sau ly hôn: anh chị trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy Toà án không xét.

- Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: chị Trần Thị S tự nguyện chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng -tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AB/2016/0002011 ngày 08/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND quận H;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Huy Cương